

# Tổng thuật Hội thảo khoa học quốc gia: “Sáng tác văn học Việt Nam thời kỳ Đổi mới: thực trạng và triển vọng”

Lê Hương Thủy<sup>(\*)</sup>  
Đặng Thái Hà<sup>(\*\*)</sup>

Tiếp nối Hội thảo khoa học quốc gia “*Phát triển văn học Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế*” (tháng 5/2014); nhằm tiếp tục đi sâu đánh giá, tổng kết những thành tựu, hạn chế của thực tiễn sáng tác văn học Việt Nam 30 năm đổi mới, ngày 28/5/2015, tại Hà Nội, Viện Văn học đã tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia “*Sáng tác văn học Việt Nam thời kỳ Đổi mới: thực trạng và triển vọng*”. Hơn 70 tham luận đã được gửi tới Hội thảo. Các báo cáo tham luận và ý kiến trao đổi tại Hội thảo đã đặt ra những vấn đề lý luận và thực tiễn của đổi mới văn học, về đội ngũ sáng tác, những hiện tượng tác giả tác phẩm tiêu biểu, những đổi mới trên phương diện thể loại, thành tựu và hạn chế cũng như kinh nghiệm thẩm mỹ và bài học của văn chương thời đổi mới,... Các vấn đề lý luận và thực tiễn sáng tác văn học thời kỳ Đổi mới đã được đánh giá và soi chiếu từ điểm nhìn của các nhà lý luận phê bình cũng như của chính lực lượng viết với tư cách là những chủ thể sáng tạo.

## 1. Đổi mới và những trở trở về vấn đề đổi mới

Mở đầu phiên Khai mạc, Báo cáo đề dẫn xác định, trọng tâm của hội thảo lần này là phân tích, đánh giá thực tiễn sáng tác văn học đổi mới. Vì hơn mọi lĩnh vực khác của đời sống văn học, đây là lĩnh vực năng động nhất, dấu ấn đổi mới hiện lên rõ nét nhất. Tại đó bạn đọc nghe thấy hơi thở nóng hổi của cuộc sống, những tri nhận mới mẻ của nhà văn về thế giới, về lịch sử và con người, nơi thai nghén và phát lộ những tư tưởng mỹ học mới, nơi thể hiện rõ nét nhất sự nhạy cảm văn hóa của nhà văn. Đổi mới, hội nhập chính là những từ khóa quan trọng nhất khi nói về văn học từ sau năm 1986.

Sự trở trở về vấn đề đổi mới cũng có thể được thấy ngay trong Báo cáo đề dẫn hội thảo: “Từ sau cái mốc của công cuộc đổi mới năm 1986, văn học Việt Nam đang ở đâu trên bản đồ văn học thế giới, chúng ta đã góp thêm gì để làm giàu có hơn di sản tinh thần của nhân loại?”. Trên tinh thần đổi mới và từ điểm nhìn thời đại mới, những yêu cầu của việc đánh giá văn học đổi mới đang cần đặt ra, đó là: thời gian qua chúng ta

---

(\*) TS., Viện Văn học.

(\*\*) ThS., Viện Văn học.

đã đào tạo đội ngũ văn nghệ sĩ như thế nào, việc quảng bá văn học ra sao, bao nhiêu tác phẩm đến được với công chúng và văn học đổi mới đã đóng góp như thế nào vào việc hình thành bản lĩnh, tâm hồn, trí tuệ con người Việt Nam. Bên cạnh đó, theo các đại biểu, cũng cần quan tâm đến vấn đề phát triển văn học nghệ thuật phải gắn liền với văn hóa, tự do sáng tạo và dân chủ.

Nêu bật những quan điểm then chốt về đổi mới văn nghệ, theo các đại biểu, đổi mới vừa là quy luật, vừa là động lực của sự phát triển xã hội. Nhiều dân tộc trong lịch sử thường có những cuộc đổi mới quan trọng thể hiện qua những cuộc cách mạng, duy tân, cải cách,... Ở thế kỷ XX, Việt Nam có những cuộc cách mạng mang tầm thời đại. Sau 30 năm đổi mới, xã hội lại đang tiến hành đổi mới nhiều lĩnh vực, nhiều ngành quan trọng. Trong bối cảnh ấy, đổi mới trong văn nghệ có những thuận lợi và khó khăn riêng. Tuy nhiên, một khi công cuộc đổi mới đã có được những thành tựu của nó, giá trị bền vững và vượt thời của cái mới sẽ được khẳng định. Cụ thể hơn, giá trị của cái mới nằm ở việc nó thể hiện được cái thiêng liêng, vĩ đại và sức mạnh của dân tộc, đồng thời thể hiện một cách sâu sắc truyền thống, thân phận và sức mạnh của con người vượt lên trên mọi chà đạp áp bức. Tính dân tộc và tính nhân văn, như thế, là một điều kiện tiên quyết để đánh giá đúng đắn mọi cái mới và sự đổi mới trong văn học.

Một điều đáng lưu ý, theo các đại biểu, là Đổi mới và Hội nhập là hai thời kỳ khác nhau. Khi đánh giá, phê bình văn học đương đại, cần đặt văn học Đổi mới trong tổng thể văn học Việt Nam hiện đại (thế kỷ XX) để thấy tính kế

thừa và tính chuyển đổi (hoặc đứt đoạn) của nó. Đồng thời, cần chú ý đến các mốc lịch sử lớn để phân kỳ lịch sử và phân kỳ văn học: 1945, 1975, 1986, 1995, 2000; gắn với hai cuộc chuyển đổi mô hình văn học: từ trung đại sang hiện đại - đầu thế kỷ XX, từ phong bế (trong khu vực, phe) sang hội nhập do tác động của toàn cầu hóa và cách mạng thông tin đầu thế kỷ XXI.

Coi tính dân chủ và tính đối thoại trong tiếp nhận phê bình như là điều kiện cần để có thể thúc đẩy văn học không ngừng đổi mới, theo các đại biểu, văn học Việt Nam từ năm 1986 đến nay có nhiều thành tựu, song sự đánh giá nhiều khi rất phân tán, trái chiều, phức tạp, nhất là việc vận dụng tiêu chí “định hướng chính trị tư tưởng”. Không ít tác phẩm vấp phải vấn đề nhạy cảm chính trị mà bị lên án, cấm đoán, sau một thời gian, tính nhạy cảm của vấn đề suy giảm, tác phẩm lại được đón nhận. Từ thực tế đó, các đại biểu đề nghị, khi đánh giá văn học nên vận dụng tiêu chí định hướng chính trị trên tinh thần văn hóa, tránh đẩy tác phẩm văn học, do khác biệt về nội dung so với chính trị, vào địa vị thù địch, và cần tạo điều kiện cho văn nghệ phát triển.

Từ một góc nhìn khác, có đại biểu cho rằng để văn học phát triển, ngay từ năm 1986 đã có thể nói đến công thức 3 chữ T: Tiên - Tự do - Tài năng. Sáng tạo là làm nên cái mới. Hay và mới là vấn đề chủ yếu của sáng tạo văn học. Tuy nhiên, quan sát nền văn học của chúng ta có nhiều cái “lạ” rất đáng để ý. Khác nhưng đừng làm suy chuyển đến đường lối văn hóa mà Đảng mong muốn, định hướng. Cái đó mới khó. Văn học nghệ thuật là lĩnh vực sáng tạo, phát minh. Nhưng nhà văn phải có tài, có bản lĩnh...

Bày tỏ quan điểm xung quanh vấn đề đổi mới hiện nay, có ý kiến cho rằng, sự đổi mới rất đáng trân trọng nhưng chưa nhiều. Những lý do của tình trạng này có thể chỉ ra như: hiện thực cuộc sống, đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa... Chức năng của văn học phải là khai hóa văn minh, mở đường và chỉ đường, phải làm cho con người, vì con người; khai hóa bao giờ cũng là thiếu số và nên ủng hộ, nên tranh luận chứ không thể quy chụp.

## 2. Thực tiễn đổi mới dưới góc nhìn lý luận - phê bình

Dưới góc nhìn của lý luận - phê bình, nhiều đại biểu tập trung nhìn nhận, đánh giá thực tiễn sáng tác bởi nó là lĩnh vực năng động nhất, đồng thời cũng là lĩnh vực cho phép chúng ta rút ra những kinh nghiệm quý báu để tiếp tục đổi mới và phát triển văn học dân tộc trong không gian văn hóa đương đại.

Nhiều ý kiến cho rằng, các tham luận trong Hội thảo đã “mở xẻ được khá nhiều vấn đề nóng của văn học đương đại”. Một trong những vấn đề gây nhiều tranh luận nhất, và đồng thời cũng bám sát dòng chảy văn chương trẻ đương đại nhất, đó là vấn đề văn học thị trường. Trên cơ sở khái quát khái niệm và lịch sử dòng văn học thị trường tại Tp. Hồ Chí Minh từ trước năm 1975, các đại biểu cũng đã nêu lên một thực tiễn đáng lưu ý: “có rất nhiều người lo ngại về dòng ‘văn học thị trường’ với mỗi cuốn bán vài chục vạn bản, có thống kê cho thấy, từ năm 1995-2009, ba nhà xuất bản chuyên về dạng sách này đã xuất bản khoảng 60% số lượng sách tại Tp. Hồ Chí Minh. Có nhiều người e ngại, phân vân và cho rằng đó là sự xuống cấp của văn hóa đọc”. Chủ yếu dành cho những người trẻ, người viết trẻ, người đọc trẻ, đặc điểm của “văn học thị

trường” hiện nay là “nội dung khá sáo mòn” và “đơn giản về nghệ thuật”, với “đề tài tình yêu là chủ đạo, lãng mạn, bay bổng, xa rời thực tế”. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến “con số” của dòng văn học này đó là sự nhập khẩu ô ạt của văn học ngôn tình Trung Quốc.

Tuy nhiên, đứng từ phía những độc giả trẻ, đặc biệt là độc giả lứa tuổi vị thành niên, một ý kiến khác lại mang tính phản biện: “Không nên đánh giá thấp văn học thị trường. Tôi tự hỏi không hiểu người ta xếp văn học thị trường và văn học bác học theo tiêu chí nào. Khi nhà văn viết tác phẩm thì nhu cầu lớn nhất là đối thoại với độc giả, muốn bán sách. Được công chúng đón nhận thì thành công, không đón nhận thì thất bại. Tại sao phải can thiệp vào thị trường, nếu là tác phẩm không có giá trị thì hôm nay người ta cần, mai người ta quên. Theo tôi, đó là nhu cầu của độc giả, không phải là chuyện của các nhà quản lý”. Nói cách khác, sự phủ nhận tất cả các tác phẩm được xếp vào hạng mục “văn học thị trường”, không gì khác, chính là sự phủ nhận và quay lưng với thế hệ trẻ, với những đòi hỏi, nhu cầu cũng như tâm tư tình cảm của một bộ phận công chúng đầy tiềm năng trong bối cảnh văn hóa - xã hội đương đại. Đồng tình với quan điểm này, có đại biểu cho rằng, văn học là sản phẩm của văn hóa, vì thế, điều tất yếu là văn học thời đại này cũng phải tuân theo quy luật cung-cầu của thị trường. Không chỉ vậy, “việc đánh giá thấp văn học thị trường cũng đồng nghĩa với việc đang đứng ở một hệ giá trị khác để đánh giá, vì thế mà không thực sự có được một cái nhìn khách quan”. Từ điểm nhìn của một người cầm bút, nhà văn Thiên Sơn cho rằng, thực chất, một trong những

thành tựu đáng kể của văn học hôm nay là ngày càng đi về phía thị trường.

Thêm một vấn đề không kém phần quan trọng khi nhìn nhận, đánh giá văn học sau đổi mới, đó là vấn đề về tính trò chơi của văn học nói riêng và nghệ thuật nói chung. Nhận diện một xu hướng nổi bật của đời sống đương đại, các đại biểu nhấn mạnh đến xu hướng “trò chơi hóa” trên mọi bình diện của đời sống xã hội, trong đó có văn chương. Căn cứ vào thực tiễn sáng tác thơ đương đại, các đại biểu đã khái quát hóa ba kiểu tác giả - người chơi trong thơ Việt Nam đương đại. Đó là: Kiểu nhà thơ - kẻ tài tử có nhiều đặc điểm như kế thừa từ mẫu hình người tài tử trong văn hóa truyền thống, chủ trương một đời sống hướng đến tự do tinh thần, nhận thức được bản chất trò chơi của đời sống và do đó lựa chọn chơi như là cách hiện sinh. Kiểu nhà thơ - trẻ thơ gắn liền với sự mượn giọng, mượn điểm nhìn của trẻ thơ trong sự chơi để nhìn nhận, biểu đạt thế giới, đưa thơ ca về với chất duy cảm và tư duy huyền thoại. Kiểu nhà thơ luyện chữ và nghịch chữ khẳng định tư cách nghệ sĩ của mình trong cách ứng xử với ngôn từ, hoặc tạo ra những trò chơi ngôn từ, hướng đến những độc giả đặc tuyển, hoặc bông lơn với ngôn ngữ, với những khuôn mẫu thể loại, đưa thơ hòa vào dòng văn hóa đại chúng. Xu hướng trò chơi hóa đời sống với những kiểu hình tượng tác giả trên đây đã cho thấy tiến trình vận động của thơ đương đại hướng đến cái cá nhân, sự duy cảm, duy mỹ và cả tính giải trí. Văn hóa chơi là môi trường cần thiết cho sự phát triển của thơ ca: thơ chỉ thực sự trở nên sống động, đa dạng khi một thứ văn hóa chơi đúng nghĩa được xây dựng và bảo vệ.

Đánh giá một cách toàn diện sự đổi mới về văn xuôi trong những năm đầu

thế kỷ, theo các đại biểu, trước hết cần khẳng định: hoàn cảnh sống và viết của người cầm bút dù chưa hết khó khăn, vướng cản, nhưng về cơ bản đã khác trước rất nhiều. Tiềm lực văn hóa của người cầm bút được nâng lên một cấp độ đáng kể, nhờ một loạt điều kiện thuận lợi chủ quan cũng như khách quan. Bên cạnh đó, còn có những ý kiến, tham luận đánh giá những vận động trong đời sống văn chương đương đại; hay lưu tâm đến một mảng quan trọng trong dòng chảy văn chương nhưng chưa thực sự được quan tâm, đó là các nhà viết phê bình; hoặc quan tâm đến mối quan hệ giữa văn chương và chính trị;...

### 3. Đổi mới và điểm nhìn từ bên trong (từ lực lượng sáng tác)

Đúng như khẳng định trong Báo cáo đề dẫn: “cuộc hội thảo lần này đặc biệt coi trọng và muốn lắng nghe ý kiến của các nhà văn về quan niệm cầm bút cũng như những trăn trở, khát vọng sáng tạo của họ”, rất nhiều tiếng nói của những người cầm bút trong tư cách là những chủ thể sáng tạo đã được thể hiện qua những chia sẻ, trao đổi về những trải nghiệm sáng tác của chính bản thân mình trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.

Trải nghiệm cuộc đời cũng như kinh nghiệm văn chương của một nhà văn có thể được thấy hết sức rõ nét qua những chia sẻ của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp về tác phẩm “Tướng về hưu” của ông. Nhà văn đã đưa đến cái nhìn khái quát hơn về các tác phẩm văn học thời Đổi mới; đồng thời làm rõ vấn đề “đổi mới” trên cả hai phương diện nội dung và hình thức: “Một là về hình thức: Đây là tác phẩm đặc sắc có tính chất *bạo động về ngôn ngữ* (tôi dùng khái niệm *bạo động về ngôn ngữ* để chỉ chung cho cả

một thể hệ nhà văn đổi mới cùng thời như Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Nguyễn Quang Thiều, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Phan Thị Vàng Anh, Nguyễn Việt Hà, Lại Văn Long, Đỗ Phước Tiến, Đỗ Hoàng Diệu, Nguyễn Ngọc Tư, v.v...). Hai là về nội dung: Đây là tác phẩm đặc sắc đưa được “đạo” vào nội dung tác phẩm văn học. “Đạo” đây nên hiểu là con đường tự nhiên, con đường thoát hiểm, con đường sống sót, con đường hy vọng. Nó là trăm ngàn sắc thái trong cuộc sống bình thường của con người ta như sinh, lão, bệnh, tử, ái, ố, hỉ, nộ, dục, ưu, lạc, v.v... Giống như lời trong bài hát “Mùa xuân đầu tiên” của Văn Cao: ngày bình thường, mùa bình thường, khói bay trên sông, gà gáy bên sông, người biết thương người, người biết yêu người... Dấu hiệu nhận biết đầu tiên của “đạo” là nụ cười, sau đó là những biểu hiện của tình yêu thương với lòng chẳng nỡ, tính nhân văn, v.v...” (Nguyễn Huy Thiệp, *Tôi viết truyện...*).

Về thể loại tản văn, nhà thơ Y Phương cũng đã chia sẻ những trải trở của mình trong quá trình sáng tạo, từ việc sáng tác một tác phẩm, đến việc làm mới chính mình qua việc theo đuổi một thể tài văn học: “Tản văn có tự bao giờ? Ranh giới của thể ‘tiểu ký’ này đã được nói rộng về thể loại, phong phú, đa dạng về đề tài, chủ đề, tinh túy về nội dung, ngắn gọn, hàm xúc về câu chữ. Tản văn rất gần với thơ. Tản văn đứng giữa thơ và truyện ngắn... Tản văn là một thể loại mới trong sự nghiệp văn chương của tôi” (Y Phương, *Đi tìm thể tản văn*).

Về thơ đổi mới, các đại biểu cho rằng, trong thế kỷ XXI - kỷ nguyên kinh tế tri thức, “thơ đóng vai trò tiên phong trong đổi mới văn học”. Đổi mới thơ là tự thân

của sáng tạo thơ ca, và các nhà thơ thế hệ trẻ hôm nay cần phải được đánh giá cao vì sự táo bạo của họ trong việc “đưa đến một tư duy thơ khác hẳn với những con sóng đồng ca triển miên một thời”. Để khuyến khích những người cầm bút, để thực sự có được một nền văn học năng động không ngừng tự làm mới, đòi hỏi phải có một sự đa chiều về quan điểm, về thẩm mỹ, và một sự phối hợp hài hòa giữa nhà nước - văn nghệ.

Thẳng thắn xác định thách thức lớn đối với các nhà văn, nhà thơ trong thời kỳ Đổi mới, đó là cơ chế kinh tế thị trường, nhà thơ trẻ Vi Thùy Linh nhận định: Thơ ca nói riêng hay văn học nói chung không thể tránh khỏi việc bị áp lực của đời sống thị trường chi phối. Và bất cứ một người viết nào cũng không thể tồn tại bên ngoài công chúng của mình. Không chỉ là một nhà thơ, Vi Thùy Linh còn là một người có nhiều kinh nghiệm trong việc xuất bản và quảng bá thơ, đưa thơ đến gần hơn với lớp “công chúng tinh hoa” cũng như tới gần với nhiều loại hình nghệ thuật khác (trình diễn thơ, sân khấu hóa thơ, v.v...). Nhà thơ trẻ không ngại ngần khẳng định: “Tôi tìm kiếm thị trường, tôi phải cạnh tranh nhưng tôi không viết thị trường, tôi tìm kiếm độc giả tinh hoa trí thức”. Các nhà văn, nhà thơ đương đại cần phải “xung kích, náo động, quấy rầy và bốt hèn nhát hơn” để đủ khả năng thích nghi và tồn tại trong một bối cảnh xã hội - văn hóa mới. Một số ý kiến khác cũng đồng quan điểm khi cho rằng, tính gợi mở, sự thất nút mở nút, việc xây dựng những tình tiết bí ẩn, cao trào, v.v... là những yếu tố có thể giúp nhà văn cuốn người đọc vào với những trang viết. Văn học, như thế, dưới cái nhìn của một bộ phận nhà văn đương đại, đã thực sự có thể được coi

như một thứ hàng hóa trong đời sống kinh tế thị trường.

Tuy nhiên, việc đánh giá thực tiễn sáng tác văn học ngay trong dòng chảy không ngừng biến chuyển của nó không hề là một điều dễ dàng. Bày tỏ nỗi lo ngại về nền văn học đương đại, có nhà thơ cho rằng: “Chúng ta có văn chương và có cả rác rưởi, rác văn chương đang hơi nhiều, rác phá nhà văn, phá độc giả, tấn công ban giám khảo nhưng chưa thấy ai dọn rác”. Đó là nỗi trăn trở đầy trách nhiệm của một người viết, vừa với cái nhìn trong cuộc của một người trực tiếp sáng tác, vừa tự giác cách mình ra để có được sự đánh giá xác đáng và khách quan về thực tiễn văn chương đương đại. Cái nhìn mang tính phê phán này không phải là một sự phủ nhận giá trị của văn chương đổi mới mà đúng hơn là sự đánh thức trách nhiệm và lương tâm người cầm bút. Đổi mới không có nghĩa là lãng quên những giá trị cũ, ngược lại, việc định giá lại và phát huy những thành tựu trong quá khứ cũng là một nền tảng quan trọng cho sự đổi mới văn học. “Việc định giá lại tác phẩm và đánh giá lại tác giả rất cần, dù sẽ chạm vào nỗi đau nhưng chúng ta buộc phải minh oan cho người viết, khôi phục lại giá trị văn chương trước cách mạng” (Vũ Quần Phương, *Đổi mới như...*).

Khép lại Hội thảo, các đại biểu một lần nữa nhấn mạnh lẽ tất nhiên của sự đổi mới trong văn học, đồng thời cũng đưa đến một cái nhìn rộng về mối quan hệ giữa văn học và văn hóa. Trong hiện thực của đời sống thơ ca Việt Nam đương đại có ba nhóm nhà thơ: “Nhóm thứ nhất: yêu văn hoá dân tộc nhưng phần lớn chỉ hiểu văn hoá dân tộc trên bề mặt hình thức chứ không phải là bản

chất; Nhóm thứ hai: không có nền tảng văn hoá dân tộc như là “máy cái” hoặc nhìn nhận sai lầm về văn hoá dân tộc; và Nhóm thứ ba: Hiểu đúng bản chất của văn hoá dân tộc và bản chất thời đại và đang từng bước làm ra những sản phẩm mang tính thời đại trên nền tảng văn hoá dân tộc”. Gắn với đổi mới, các đại biểu cho rằng những sáng tác của những người viết thuộc nhóm thứ ba là đặc biệt đáng coi trọng, bởi ở những tác phẩm của họ: “văn thiên nhiên Việt, văn con người Việt, văn phong tục Việt, văn nhân nghĩa Việt, văn xã hội Việt, nhưng được hiện ra trong một ngôn ngữ mới, hình tượng mới, biểu tượng mới,... Họ đã và đang khám phá ra những vẻ đẹp Việt còn ẩn giấu để làm giàu thêm văn hoá dân tộc” (Nguyễn Quang Thiều, *Đổi mới chính là...*).

\* \* \*

Tiếp cận, soi chiếu thực tiễn sáng tác văn học từ điểm nhìn của các nhà lý luận phê bình cũng như của chính chủ thể sáng tạo, các tham luận gửi tới Hội thảo lần này đã đề cập đến nhiều vấn đề của lý luận và thực tiễn sáng tác văn học thời kỳ Đổi mới. Các tham luận đã bàn về sự đổi mới văn học từ phương diện chủ thể sáng tạo, vấn đề sinh thái trong văn học, vấn đề văn học thị trường, về văn học nữ và khuynh hướng nữ quyền, văn học viết về chiến tranh, văn học dân tộc thiểu số, văn học thiếu nhi, vấn đề đổi mới văn học trên phương diện thể loại, về những hiện tượng tác giả và tác phẩm,... của văn học thời kỳ Đổi mới.

Với những tham luận và thảo luận sôi nổi, trách nhiệm và đầy tâm huyết, Hội thảo đã thành công tốt đẹp. Thành công này thể hiện cả ở số lượng tham luận cũng như tính vấn đề đã đặt ra.

Tinh thần chung của Hội thảo là khẳng định văn học Việt Nam là nền văn học nhân văn, mang tư tưởng tiến bộ của thời đại, có ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, đồng thời luôn hướng đến tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm mới chính mình và hội nhập quốc tế □

#### CÁC THAM LUẬN TRÍCH DẪN

1. Lại Nguyên Ân, *Văn học đổi mới hay là sự thức tỉnh nửa vời của một lớp nhà văn*.
2. PGS.TS. Nguyễn Đăng Điệp, Báo cáo đề dẫn: *Sáng tác vì sự phồn vinh của nền văn học mới*.
3. GS. Hà Minh Đức, *Một vài suy nghĩ về đổi mới trong văn nghệ*.
4. TS. Trần Ngọc Hiếu, *Xu hướng trò chơi hóa đời sống và kiểu tác giả - người chơi trong thơ Việt Nam đương đại*.
5. GS. Phong Lê, *Văn học Việt từ đổi mới đến hội nhập, nhìn từ lực lượng viết*.
6. PGS.TS. Võ Văn Nhơn, *Văn học thị trường ở Thành phố Hồ Chí Minh*.
7. Vũ Quân Phương, *Đổi mới như mở cửa*.
8. Y Phương, *Đi tìm thể tản văn*.
9. PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn, *Các nhà văn viết phê bình thời đổi mới*.
10. GS. Trần Đình Sử, *Hướng tới một môi trường dân chủ và đối thoại trong đời sống văn nghệ*.
11. PGS.TS. Trần Hữu Tá, *Văn xuôi Việt Nam 15 năm đầu thế kỷ XXI – một vài ghi nhận*.
12. Nguyễn Trọng Tạo, *Đổi mới và đổi mới thơ*.
13. Nguyễn Huy Thiệp, *Tôi viết truyện “Tướng về hưu”*.
14. Nguyễn Quang Thiều, *Đổi mới chính là hơi thở*.

(Tiếp theo trang 20)

6. Phạm Minh Huyền, Nguyễn Văn Huyền, Trịnh Sinh (1987), *Trống Đông Sơn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Malcom F. Farmer (1969), “Origin and Development of Water Craft”, *Anthropological Journal of Canada*, 7(2).
8. Pierre Paris (1955), *Esquisse d'une Ethnographie*, Navale des Peuples Annamites, Rotterdam.
9. Robert Heine Geldern (1972), *American Metallurgy and the Old World, Early Chinese Art and its Possible influence in the Pacific Basin*, Vol. 3, Taiwan.
10. Vũ Hữu San (1999), *Biển Đông - Nơi khai nguyên hàng hải, Lịch sử thuyền bè Việt Nam*, Vuhusuan's Water World.
11. Trịnh Sinh (2012), “Bè mảng Sầm Sơn vượt Thái Bình Dương”, Báo *Lao động*, ngày 02/12/2012.
12. Duy Tuyên (2014), “Gặp người Việt Nam duy nhất trên chiếc mảng vượt Thái Bình Dương”, Báo *Dân trí* ngày 26/02/2012.
13. William Meacham (1984), “On the improbability of Austronesian origins in South China”, *Rewiew Asian Perspective*, Volume 25.